

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-PT

Ngày 17-8-2021

*V/v yêu cầu ly hôn, nuôi con
chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các thẩm phán: Ông Dương Văn Sơn

Bà Nguyễn Thị Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Chinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021 về việc: “*yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*”,

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 04/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 68/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Thẩm Thị C, sinh năm 1993; có mặt

Địa chỉ: Xóm N, xã Đ, huyện Q, tỉnh C;

- Bị đơn: Nông Văn B, sinh năm: 1989; có mặt

Địa chỉ: Xóm N, xã Đ, huyện Q, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nông Văn B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Thẩm Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Nông Văn B trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 07/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà bố mẹ của anh B. Đến tháng 5 năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đỉnh điểm do anh B sử dụng ma túy, không chịu tu chí làm ăn, chăm lo gia đình. Khi lên cơn vật ma túy, anh B hay đòi tiền nếu không cho thì anh B hay lấy thóc, gạo, đồ đạc trong nhà đi bán. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra liên tục kéo dài cho đến nay và đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ khi tôi đi làm công ty vào tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Nay tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh B.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nông Văn T, sinh ngày 06/8/2014, hiện nay đang ở với anh B. Sau khi ly hôn con chung sẽ do anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng, tôi có trách nhiệm cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Nông Văn B không nhất trí ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị Thẩm Thị C. Về con chung nếu phải ly hôn anh B yêu cầu là người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu chị C phải cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng.

Tại bản án sơ thẩm số: 04/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng đã:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 147, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thẩm Thị C. Chị Thẩm Thị C được ly hôn anh Nông Văn B.

2.Về con chung: Giao cháu Nông Văn T, sinh ngày 06/8/2014 cho anh Nông Văn B là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, còn chị Thẩm Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nông Văn T đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, thay đổi mức và hình thức cấp dưỡng nuôi con chung.

3.Về án phí: chị Thẩm Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước. Xác nhận chị C đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2018/0001880 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Nay chị C còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/6/2021, bị đơn Nông Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Nông Văn B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Thẩm Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX bác yêu cầu kháng cáo của anh Nông Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa có đủ căn cứ để không chấp nhận kháng cáo của anh Nông Văn B. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Cấp sơ thẩm xét xử ngày 24/5/2021, ngày 07/6/2021, bị đơn Nông Văn B có đơn kháng cáo, đơn gửi trong hạn luật định. Bị đơn Nông Văn B đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định của pháp luật.

[2] *Xét kháng cáo của bị đơn Nông Văn B và các căn cứ kháng cáo:* anh B kháng cáo không nhất trí ly hôn với chị C vì còn tình cảm với chị C, muốn hàn gắn để cùng nhau nuôi con, đồng thời không nhất trí với mức cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thẩm Thị C và anh Nông Văn B là vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 07/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà bố mẹ của anh B. Đến tháng 5 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh B sử dụng ma túy, không tu chí làm ăn, chăm lo cho gia đình. Khi lên con vật ma túy, anh B hay đòi tiền nếu không cho thì anh B hay lấy thóc, gạo, đồ đạc trong nhà đi bán. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra liên tục kéo dài cho đến nay mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can, hòa giải nhưng không thành nên chị C và anh B đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân (anh B đi cai nghiện ma túy, chị C đi làm công nhân ở công ty) vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm anh B cũng thừa nhận bản thân mình nghiện ma túy, vợ chồng ly thân từ khi anh B đi trại cai nghiện tập

trung, chị C đi làm công nhân ở công ty xa nhà, việc anh B nghiện ma túy, không chịu tu chí làm ăn là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài dẫn đến vợ chồng ly thân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, phù hợp với lời khai của hai bên đương sự, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do chị C nộp cho tòa án. Bên cạnh đó kết quả xác minh tại địa phương do chị C yêu cầu của tòa án cấp sơ thẩm cho thấy anh B đi cai nghiện ma túy và vợ chồng đã sống ly thân. Anh B cho rằng không nhất trí ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị C nhưng HĐXX xét thấy trong khoảng thời gian dài từ khi bắt đầu mâu thuẫn là tháng 5 năm 2017 đến nay việc mâu thuẫn giữa vợ chồng không được hóa giải, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy xét thấy yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ để chấp nhận theo Điều 51, 56 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Do vậy bác kháng cáo của anh Nông Văn B về việc không nhất trí ly hôn với chị C.

- Về con chung: Chị Thẩm Thị C và anh Nông Văn B có 01 con chung là cháu Nông Văn T, sinh ngày 06/8/2014. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn chị C đi làm công ty thì cháu T vẫn ở với anh B và ở cùng nhà với bố mẹ đẻ anh B, cháu T đi học ở trường gần nhà, còn chị C đi làm công ty tỉnh xa chưa có nhà ở. Ngoài ra tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu T ngày 11/8/2021 thì cháu T có nguyện vọng được ở với bố (Nông Văn B). Do đó, tòa án cấp sơ thẩm giao cháu T cho anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng con và chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng là hợp tình hợp lý đúng với thực tế và có căn cứ pháp luật. Chị C không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập bấp bênh, căn cứ vào thu nhập thực tế của chị C và chi phí thực tế tại địa phương thì chị C cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000đ/tháng như cấp sơ thẩm tuyên là hợp lý.

- Về tài chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án xem xét. Do vậy HĐXX cấp phúc thẩm không xem xét.

Ý kiến của Vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó cần được chấp nhận.

* Về án phí: Do kháng cáo anh Nông Văn B không được chấp nhận nên anh B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nông Văn Bộ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2021/HNGĐ-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thẩm Thị C. Chị Thẩm Thị C được ly hôn anh Nông Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Văn T, sinh ngày 06/8/2014 cho anh Nông Văn B là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Thẩm Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nông Văn T đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, thay đổi mức và hình thức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Thẩm Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước. Xác nhận chị C đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2018/0001880 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Nay chị C còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

- Anh Nông Văn B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền anh B đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/20180001909 ngày 07/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận anh B đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện QH;
- Chi cục THADS huyện QH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngôn Ngọc Viên